TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 07/01/2021
V/v ly hôn giữa chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thanh Toàn, ông Đinh Quốc Hội

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng –Thư ký Tòa án

***- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị H; sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Đinh Xuân T; sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2020 và trong bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

- về hôn nhân: chị và anh T quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H và anh T đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng

không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh T.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Nữ Kiều Tr, sinh ngày 17/6/2009 và Đinh Hoàng Anh V, sinh ngày 05/8/2012, hiện tại con đang ở với chị H, nguyện vọng của chị H là xin nuôi con và yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đ/tháng/con.

- tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Xuân T không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý của Tòa án, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và thông báo mở lại phiên tòa của Tòa án. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 21/10/2020, Tòa án xác minh việc vắng mặt của anh Đinh Xuân T tại UBND xã Trung Hóa.

Ngày 26/11/2020, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị H và anh T. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà với lý do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Đinh Xuân T; về con chung: giao con chung là cháu Tr và V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đ/tháng/con; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; chị H và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị Hoàng Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đinh Xuân T, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa. Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND Ủy ban nhân dân xã Chấn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị H: vợ chồng chị H và anh T không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống do không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H và anh T cũng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Nữ Kiều Tr, sinh ngày 17/6/2009 và Đinh Hoàng Anh V, sinh ngày 05/8/2012, hiện tại con đang ở với chị H, nguyện vọng của chị H là xin được nuôi dưỡng cháu Tr và V.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại con đang ở chị H, chị H cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con, cháu Tr và V cũng có nguyện vọng xin được ở với chị H, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của các con cần giao cháu Tr và V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000 đ/con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đinh Xuân T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của chị H. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[6]. Anh Đinh Xuân T được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng vẫn

vắng mặt. Vì vậy, anh T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Đinh Xuân T.

2. Về con chung: giao hai con chung là cháu Hoàng Nữ Kiều Tr, sinh ngày 17/6/2009 và Đinh Hoàng Anh V, sinh ngày 05/8/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đinh Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi cháu Tr và V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên Tòa không xét.

4. Về án phí: chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004357 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: anh Đinh Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/01/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Chấn Thịnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh